

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10 tháng 7 năm 2017
V/v “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên .
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXX-ST ngày 14/6/2017 và Quyết định hoãn số Số: 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: chị Ngô Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: tổ dân phố số 4, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 14/02/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh T ngay. Trong quá trình chung sống anh T không chịu làm ăn, chỉ ham chơi khiến cho chị không chịu nổi cách sống của anh T và chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của

chị ở tại tổ dân phố số A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và sống ly thân với anh T từ tháng 12/2016 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Trong thời gian chung sống với bố mẹ chồng, chị không đề nghị trích chia công sức.

- Về con chung: chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/9/2012. Hiện nay cháu G đang chung sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị H mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng G. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc với mức thu nhập ổn định khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T. Theo bản tự khai thì anh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Ngô Thị H vào ngày 14/02/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị Huệ về làm dâu nhà anh ngay. Đến tháng 12/2016 xảy ra mâu thuẫn, chị H bỏ đi theo người đàn ông khác và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: anh và chị H có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/9/2012. Sau khi ly hôn anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng G. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng G cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh T đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/6/2017, nhưng anh T vắng mặt không đến phiên tòa. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định lịch phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 10/7/2017 và giao quyết định này cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay anh T là bị đơn không có phần tố, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đây là lần thứ hai anh T vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Huệ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống (chị H cho rằng anh T không chịu tu trí làm ăn) dẫn tới việc tháng 12/2016 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại địa chỉ tổ dân phố số A, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, hai người sống ly thân với nhau từ đó, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Tại các lần công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, anh T nhận được thông báo nhưng đều vắng mặt không có lý do. Nhưng tại bản tự khai anh T có quan điểm nhất trí ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 03/9/2012. Hiện nay cháu Nguyễn Hoàng G đang chung sống cùng với chị H. Anh T và chị H đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Cháu G mới gần 5 tuổi nên cần phải có sự chăm nom, chăm sóc trực tiếp của bố hoặc mẹ. Xét về điều kiện kinh tế và thu nhập thì chị H có công ăn việc làm ổn định, đảm bảo để trực tiếp nuôi con. Mặt khác, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu G, cháu còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên cần giao cháu G cho chị Huệ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng G cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung và công nợ: anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị H thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Huệ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/06190 ngày 18/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường